

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HML**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HML

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HML DEVELOPMENT INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HML DEVELOPMENT TRUCTION.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109391908

**3. Ngày thành lập:** 27/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 4, Thôn Thái Bình, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4299        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn dao, kéo;<br>- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; | 4649        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                      | 4663(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669 |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                   | 4211 |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                    | 4212 |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 13. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4751 |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4752 |
| 15. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4753 |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                         | 4759 |
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4771 |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                        | 4221 |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                             | 4222 |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                              | 4223 |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                               | 4229 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                           | 4321 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                           | 4322 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                             | 8299 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                  | 4329 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                | 5224 |
| 28. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                 | 0810 |
| 29. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                              | 2394 |
| 30. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất gạch không nung                                                                                                                         | 2395 |
| 31. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                      | 2391 |
| 32. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                           | 2392 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 34. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320 |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                               | 7730 |
| 38. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác<br>- Bán buôn dầu thô<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan                                                   | 4661 |
| 39. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.<br>Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. | 4730 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TIỀN MẠNH | Thôn Mai Hiên, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | 026086006436                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HUỆ   | Xóm 4, Thôn Thái Bình, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 010603404                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                              |                                    |         |               |        |                  |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>NGỌC LÂN | Xóm 4, Thôn<br>Thái Bình, Xã<br>Mai Lâm, Huyện<br>Đông Anh, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 | 0010770072<br>94 |
|   |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                              | Tổng số                            | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026086006436

Ngày cấp: 27/08/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Mai Hiên, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Mai Hiên, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội